TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2023/DS-ST
Ngày 24 -11-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (viết tắt là A).

Địa chỉ trụ sở: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội .

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Phạm Toàn V, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc);

- Ông Đinh Xuân S; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-HĐTV-PC ngày 01/12/2022);

- Ông Đinh Xuân S ủy quyền lại cho: Bà Ngô Thị Kha L; chức vụ: Giám đốc Phòng G, trực thuộc Ngân hàng N, chi nhánh huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản uỷ quyền số 16/GUQ-NHNo.ST ngày 03/02/2023).

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980;
- Bà Lê Thị T1, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Ngô Thị Kha L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/02/2023, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng N do bà Ngô Thị Kha L đại diện trình bày:*

Ngân hàng N, chi nhánh huyện S, Phòng G (viết tắt là A) với bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T có ký Hợp đồng tín dụng số NH 485/2018/TC ngày 30/5/2018 số tiền cho vay tối đa là 450.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: sử dụng vào mục đích cho gia đình, đối tượng vay là mua lưới đánh bắt; thời hạn vay 60 tháng; phương thức cho vay từng lần; kỳ hạn trả gốc, lãi thực hiện theo phụ lục kèm theo hoặc theo từng giấy nhận nợ; lãi suất trong hạn 10%/năm trên nợ gốc, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả 6%/năm.

Tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 675, tờ bản đồ số 10, diện tích 92,9m^2 tại thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã được Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B127978, số vào sổ cấp GCN: 01642/QSDĐ/1084/QĐUB ngày 22/12/1998 cho hộ bà Trần Thị Y, chỉnh lý biến động tặng cho bà Lê Thị T1 ngày 18/5/2016 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NH485/2018/TC ngày 29/5/2018 được ký kết giữa A với bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T. Việc thế chấp tài sản trên đã được Văn phòng C và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q.

Thực hiện hợp đồng, A Sơn M đã giải ngân, bà Lê Thị T1 nhận tiền, cụ thể:

- Ngày 30/5/2018 nhận số tiền 100.000.000 đồng;
- Ngày 31/5/2018 nhận số tiền 100.000.000 đồng;
- Ngày 01/6/2018 nhận số tiền 100.000.000 đồng;
- Ngày 04/6/2018 nhận số tiền 150.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T đã vay là 450.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng nói trên. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay, bà T1 và ông T thường xuyên vi phạm hợp đồng, việc trả nợ cho A thường trễ hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà Lê Thị T1, ông Nguyễn Văn T đã trả số tiền gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 139.702.002 đồng.

Tính đến ngày 24/11/2023, bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T còn nợ A Sơn M tổng số tiền là 464.408.288 đồng, trong đó nợ gốc là 370.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 80.143.148 đồng, lãi quá hạn là 14.265.140 đồng.

Bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/11/2023 đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã được các bên thoả thuận tại hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho A thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 675,

tờ bản đồ số 10, diện tích 92,9m^2 tại thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tại giai đoạn thi hành án để thu hồi nợ cho A.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho A cho đến khi trả xong các khoản nợ.

** Bị đơn là bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T không có lời trình bày.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26, 91, 92, 144, 147, 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 318, 319, 320, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Buộc bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải trả cho A số tiền còn nợ tính đến ngày 24/11/2023 bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T còn nợ tổng số tiền là 464.408.288 đồng, trong đó nợ gốc là 370.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 80.143.148 đồng, lãi quá hạn là 14.265.140 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 25/11/2023 cho đến khi trả nợ xong.

Trường hợp bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho A thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NH485/2018/TC ngày 29/5/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 675, tờ bản đồ số 10, diện tích 120m^2 tại thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được ký giữa A với bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

+ Về chi phí tố tụng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án A đã nộp tạm ứng và chi phí xong. Do yêu cầu của A được chấp nhận nên bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm phải hoàn trả cho A số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

+ Về án phí: Do yêu cầu của A được chấp nhận nên bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.371.000 đồng cho A theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006130 ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của A về việc yêu cầu bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo trình bày của nguyên đơn và theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa A Sơn M với bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T ký kết Hợp đồng tín dụng số NH 485/2018/TC ngày 30/5/2018, số tiền cho vay tối đa là 450.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, A Sơn M đã giải ngân, bà Lê Thị T1 nhận tiền, cụ thể:

- Ngày 30/5/2018 nhận số tiền 100.000.000 đồng;
- Ngày 31/5/2018 nhận số tiền 100.000.000 đồng;
- Ngày 01/6/2018 nhận số tiền 100.000.000 đồng;
- Ngày 04/6/2018 nhận số tiền 150.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T đã vay là 450.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà Lê Thị T1, ông Nguyễn Văn T đã trả đã trả số tiền gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 139.702.002 đồng.

Tính đến ngày 24/11/2023 bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T còn nợ tổng số tiền là 464.408.288 đồng, trong đó nợ gốc là 370.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 80.143.148 đồng, lãi quá hạn là 14.265.140 đồng.

Do đó, A yêu cầu bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho A số tiền nợ trên (tính đến ngày 24/11/2023) cùng lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số NH 485/2018/TC ngày 30/5/2018 cho đến khi trả xong các khoản nợ nên căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của A.

[2.2] Xét yêu cầu của A về xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng: Để đảm cho khoản vay nêu trên, ngày 29/5/2018 A Sơn M với bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NH485/2018/TC bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 675, tờ bản đồ số 10, diện tích 92,9m^2 tại thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã được Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B127978, số vào sổ cấp GCN: 01642/QSDĐ/1084/QĐUB ngày 22/12/1998 cho hộ bà Trần Thị Y, chỉnh lý biến động tặng cho bà Lê Thị T1 ngày 18/5/2016. Việc thế chấp tài sản trên đã được Văn phòng C và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q. Do đó, hợp đồng thế chấp nêu trên giữa A và bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T đã có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Về xử lý tài sản thế chấp:

[2.3.1] *Tại khoản 1.4 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NH 485/2018/TC ngày 29/5/2018 thỏa thuận:"Tài sản gắn liền với đất và toàn bộ phần giá trị tăng lên do đang và sẽ đầu tư vào tài sản thế chấp".* Tại điều 2 của Hợp đồng thỏa thuận nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm*:"Bên B tự nguyện đem tài sản nói trên thế chấp cho bên A để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bên B tại các Hợp đồng tín dụng được ký giữa hai bên (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan, trong đó số tiền gốc là 452.887.500 đồng".* Các bên thỏa thuận như trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thì tài sản gắn liền với thửa đất số 675, tờ bản đồ số 10, xã T, thành phố Q gồm: 02 (hai) căn nhà đã bỏ hoang, không có người sử dụng, trong đó có 01 (một) căn nhà không còn mái.

[2.3.2] Do đó, trường hợp bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số NH 485/2018/TC ngày 30/5/2018 thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NH485/2018/TC ngày 29/5/2018 để thu hồi nợ cho A.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[4] Về chi phí phí tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải chịu nhưng Ngân hàng N đã tạm ứng và chi phí xong nên buộc bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu 22.576.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, 317, 318, 320, 322 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N:

Buộc bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền là 464.408.288 đồng (*Bốn trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng*), trong đó nợ gốc là 370.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 80.143.148 đồng, lãi quá hạn là 14.265.140 đồng theo Hợp đồng tín dụng số NH 485/2018/TC ngày 30/5/2018.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng N – Chi Nhánh S – Phòng G.

3. Trường hợp bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành ánh dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng và tài sản gắn liền với thửa đất số 675, tờ bản đồ số 10, diện tích 92,9m^2 tại thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã được Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B127978, số vào sổ cấp GCN: 01642/QSDĐ/1084/QĐUB ngày 22/12/1998 cho hộ bà Trần Thị Y, chỉnh lý biến động tặng cho bà Lê Thị T1 ngày 18/5/2016 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NH485/2018/TC ngày 29/5/2018 tại giai đoạn thi hành án để thu hồi nợ cho Ngân hàng N.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. Về án phí: Bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải chịu 22.576.000 đồng (*Hai mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.371.000 đồng (*Mười triệu, ba trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006130 ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Hoa